

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THỊ TRẤN ĐAK PƠ**

Số: /BC-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Đak Pơ, ngày tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO

Thông kê các cơ sở chăn nuôi trong khu vực không được phép chăn nuôi và cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm

Kính gửi: Trung tâm dịch vụ nông nghiệp huyện.

Ủy ban nhân dân thị trấn Đak Pơ báo cáo thống kê cơ sở chăn nuôi theo Nghị quyết 127/2020/NQ-HĐND; đề xuất phương án di dời cơ sở chăn nuôi; Thông kê sơ sở giết mổ gia súc, gia cầm và đề xuất phương án sắp xếp lại theo hướng tập trung như sau:

1. Thống kê cơ sở chăn nuôi theo Nghị quyết 127/2020/NQ-HĐND và đề xuất phương án di dời cơ sở chăn nuôi: *Theo phụ lục 1 và 2*

* Đề xuất phương án hỗ trợ di dời các cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi: Đề nghị các cấp quan tâm hỗ trợ kinh phí bằng tiền để các hộ tiếp tục chăn nuôi ở những khu vực cho phép chăn nuôi, đặc biệt trên địa bàn thị trấn có 02 làng nằm trung khu vực Trung tâm thị trấn Đak Pơ

2. Thống kê sơ sở giết mổ gia súc, gia cầm và đề xuất phương án sắp xếp lại theo hướng tập trung: *Trên địa bàn thị trấn Đak Pơ có 05 cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm nhỏ lẻ chủ yếu là mổ theo nhu cầu và bán ở chợ Đak Pơ.*

Với nội dung trên, Ủy ban nhân dân thị trấn Đak Pơ báo cáo phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Bùi Duy Nhất

Phụ lục 1
KHU VỰC KHÔNG ĐƯỢC PHÉP CHĂN NUÔI TRÊN ĐỊA BÀN

STT	Địa phương	Khu vực không được phép chăn nuôi	Ghi chú
1	Thị trấn Đak Pơ	Tổ dân phố 1,2 và làng Leng tô, làng H'ven	<u>Ghi rõ:</u> Tổ dân phố thuộc phường của thành phố, thị xã; tổ dân phố thuộc thị trấn của các huyện và khu quy hoạch trung tâm hành chính xã được UBND cấp huyện phê duyệt theo quy định tại Điều 1 Nghị quyết số 127/2020/NQ-HĐND ngày 09/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị xã, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi; vùng nuôi chim yến trên địa bàn tỉnh Gia Lai

Phụ lục 2

THỐNG KÊ CƠ SỞ CHĂN NUÔI TRONG KHU VỰC KHÔNG ĐƯỢC PHÉP CHĂN NUÔI

STT	Loại vật nuôi	Số cơ sở (cơ sở)	Số lượng (con)	Mục đích nuôi	Diện tích chuồng trại (m ²)	Ước giá trị chuồng trại (triệu đồng)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
I	Thị trấn Đak Pơ					
1.1	Trâu					
1.2	Bò	8	16	Kinh doanh	32	20
-	Trại quy mô lớn					
-	Trại quy mô vừa					
-	Trại quy mô nhỏ					
-	Chăn nuôi nông hộ	8	16	Kinh doanh	32	20
1.3	Heo	21	174	Kinh doanh	210	107
-	Trại quy mô lớn					
-	Trại quy mô vừa	1	52	Kinh doanh	60	32
-	Trại quy mô nhỏ	5	86	Kinh doanh	115	65
-	Chăn nuôi nông hộ	15	36	Kinh doanh	35	10
1.4	Gia cầm					
-	Trại quy mô lớn					
-	Trại quy mô vừa					
-	Trại quy mô nhỏ					
-	Chăn nuôi nông hộ					
1.5	Dê					
-	Trại quy mô lớn					
-	Trại quy mô vừa					
-	Trại quy mô nhỏ					
-	Chăn nuôi nông hộ					

Ghi chú:

(3) Cơ sở chăn nuôi:

- Chỉ thống kê các cơ sở chăn nuôi trong khu vực không được phép chăn nuôi tại các tổ dân phố và khu quy hoạch trung tâm hành chính xã được UBND cấp tỉnh phê duyệt theo quy định tại Điều 1 Nghị quyết 127/2020/NQ-HĐND.

- Cách tính cơ sở chăn nuôi quy mô lớn, vừa, nhỏ và chăn nuôi nông hộ theo quy định tại khoản 2 Điều 21 và Phụ lục VI Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi.

(2) Loại vật nuôi: Loại vật nuôi bao gồm gia súc, gia cầm và động vật khác trong chăn nuôi (trừ nuôi động vật làm cảnh, nuôi động vật trong phòng thí nghiệm và chim yến).

(7) Ước giá trị chuồng trại tại thời điểm rà soát, không bao gồm động vật nuôi trong trại và cơ sở nuôi chim yến (đối với các cơ sở nuôi chim yến hoạt động trước ngày Nghị quyết 127/2020/NQ-HĐND có hiệu lực thì không thuộc diện phải di dời).

Phụ lục 3
Danh sách cơ sở giết mổ trên địa bàn

Stt	Tên chủ cơ sở	Loại động vật giết mổ	Công suất/ngày	Có giấy phép kinh doanh	Có Giấy chứng nhận An toàn thực phẩm (xếp loại A/B/C)	Được kiểm soát giết mổ tại cơ sở	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Hồ Quốc Vương	Bò					Mỏ nhỏ lẻ
2	Trần Thị Thanh	Heo					
3	Nguyễn Thị Trí	Gà, vịt					Mỏ nhỏ lẻ
4	Lê Thị Kim Loan	Gà, vịt					Mỏ nhỏ lẻ
5	Nguyễn Văn Đạt	Gà, vịt					Mỏ nhỏ lẻ

Ghi chú: (5): Ghi số giấy chứng nhận cấp phép kinh doanh của cơ sở, cơ sở chưa được cấp phép kinh doanh thì để trống.

(6): Ghi xếp loại của cơ sở tại thời điểm gần nhất đối với cơ sở có giấy chứng nhận an toàn thực phẩm.

(7): Đánh dấu X vào ô đối với cơ sở được kiểm soát giết mổ tại cơ sở.

Phụ lục 4
Danh sách cơ sở sơ chế, chế biến trên địa bàn

Stt	Tên chủ cơ sở	Loại sản phẩm động vật sơ chế, chế biến	Công suất/ngày	Có giấy phép kinh doanh	Có Giấy chứng nhận An toàn thực phẩm (xếp loại A/B/C)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)